

Mobil DTE 20 Series

Dầu Thủy lực

Mô tả Sản phẩm

Dầu Mobil DTE 20 Series là dầu thủy lực chống mòn hiệu suất cao nhất được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu thiết bị thủy lực rộng rãi. Chúng kéo dài tuổi thọ dầu/bộ phận lọc và bảo vệ thiết bị tốt nhất nhằm giảm cả chi phí bảo trì lẫn chi phí loại bỏ dầu thải. Chúng được phát triển cùng chung với những nhà chế tạo chính để đáp ứng các đòi hỏi nghiêm ngặt của các hệ thống thiết bị thủy lực nặng dùng máy bơm công suất cao, áp lực cao cũng như vận dụng các đòi hỏi khắt khe của các thành phần khác trong hệ thống thủy lực như van phụ có độ hở rất khít và máy công cụ được điều khiển số chính xác. Các loại dầu này đáp ứng các đòi hỏi đặc tính khắt khe nhất của hàng loạt nhà sản xuất linh kiện và hệ thống thủy lực sử dụng những thiết kế luyện kim đa dạng cho phép một loại dầu với nhiều đặc điểm thành tích nổi bật.

Dầu DTE 20 Series được tạo thành từ dầu cơ bản chất lượng cao và hệ phụ gia siêu ổn định. Hệ này trung hòa sự hình thành các chất bào mòn. Chúng được thiết kế để dùng trong các hệ thống hoạt động ở điều kiện khắc nghiệt, nơi cần mức chống hao mòn cao và bảo vệ màng mạnh, ngoài ra chúng cũng được tạo để dùng trong các nơi cần dầu thủy lực không chống mòn nói chung.

Đặc tính & Lợi ích

Dầu thủy lực Mobil DTE 20 Series chống ôxy hóa rất hiệu quả cho phép kéo dài gian cách thay dầu và lọc. Thuộc tính chống mòn ở mức cao của chúng và đặc điểm làm bền màng hoàn hảo sinh ra hiệu suất thiết bị ngoại lệ, làm máy ít hỏng hơn giúp cải thiện năng suất. Khả năng khử nhũ được kiểm soát của chúng cho phép các dầu này hoạt động tốt trong các hệ thống bị nhiễm ít nước nhưng dễ dàng tách lượng lớn nước.

Đặc tính	Ưu điểm và Lợi ích Tiềm năng
Chống Mài mòn	Giảm mài mòn Bảo vệ hệ thống khi sử dụng luyện kim đa dạng
Bảo toàn Chất lượng	Bảo vệ hệ thống khi sử dụng luyện kim đa dạng Duy trì những đặc tính kỹ thuật kể cả trong điều kiện vận hành khắc nghiệt và tăng gian cách thay dầu Làm hệ thống sạch hơn
Độ bền Oxy hóa	Tiết kiệm dầu và kéo dài tuổi thọ của thiết bị Kéo dài tuổi thọ của bộ phận lọc
Chống Ăn mòn	Tránh ăn mòn bên trong hệ thống thủy lực Giảm tác động xấu do hơi ẩm trong hệ thống Giúp chống ăn mòn linh kiện luyện kim đa dạng
Đáp ứng Hàng loạt những Yêu cầu của thiết bị	Một sản phẩm có thể thay thế cho một vài sản phẩm Giảm thiểu đòi hỏi dự trữ Giảm thiểu khả năng dùng sai sản phẩm
Đặc tính Tách Khí	Giảm bọt và các tác động xấu của nó



Đặc tính	Ưu điểm và Lợi ích Tiềm năng
Tách Nước	Bảo vệ các hệ thống có độ ẩm thấp
	Để dàng tách lượng lớn nước
Thuộc tính Giữ Sạch	Giảm chất lắng và cặn của hệ thống
	Bảo vệ những thành phần có đòi hỏi khắt khe như van phụ
	Cải thiện hiệu suất hệ thống chung

Ứng dụng

- Các hệ thống thủy lực không chấp nhận sự tạo cặn như máy điều khiển số tinh vi, đặc biệt khi dùng van phụ có độ hở rất khít
- Nơi lượng nước ít là không tránh khỏi
- Các ứng dụng khi dùng các sản phẩm thông thường khác sẽ hình thành cặn và chất lắng
- Trong các hệ thống có bánh răng và ổ đỡ
- Các hệ thống đòi hỏi khả năng tải nặng và bảo vệ chống mài mòn ở mức cao
- Các ứng dụng khi sự chống ăn mòn màng dầu mỏng là cần thiết như hệ thống có lượng nước ít là không tránh khỏi
- Các máy sử dụng hàng loạt các linh kiện được luyện kim đa dạng

Thông số kỹ thuật v SỰ chấp thuận

Mobil DTE 20 Series đáp ứng hoặc vượt qua các thông số kỹ thuật công nghiệp sau	21	22	24	25	26	27	28
Thủ Bánh răng FZG, DIN 51354 - Mức Hồng			12	12	12	12	12
Mobil DTE 20 Series được các nhà chế tạo sau chấp thuận			24	25	26		
Vickers I-286-S			X	X	X		
Vickers M-2950-S			X	X	X		
Denison HF-0, HF-1, HF-2			X	X	X		

Thuộc tính Điển hình

Mobil DTE 20 Series	21	22	24	25	26	27	28
Cấp ISO	10	22	32	46	68	100	150
Độ nhớt, ASTM D 445							
cSt @40°C	10.0	21.0	31.5	44.2	71.2	95.3	142.8
cSt @100°C	2.74	4.5	5.29	6.65	8.53	10.9	14.28
Chỉ số Độ nhớt, ASTM D 2270	98	98	98	98	98	98	98
Tỉ trọng @15.6°C/15.6°C, ASTM D 1298	0.845	0.860	0.871	0.876	0.881	0.887	0.895

Mobil DTE 20 Series	21	22	24	25	26	27	28
Thử Ăn mòn bằng Thanh Đồng, ASTM D 130, 3 giờ @ 100 °C	1B	1B	1B	1B	1B	1B	1B
Tính Rỉ sét Thủ tục B, ASTM D 665	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Điểm Đông đặc, °C, ASTM D 97	-30	-30	-27	-27	-21	-21	-15
Điểm Chớp cháy, °C, ASTM D 92	174	200	220	232	236	248	276
FZG Chống đỡ Tải 4-Mặt, DIN 51354, Mức Hỏng	-	-	12	12	12	12	12
Chuỗi Bọt I, II, III, ASTM D 892, ml	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0

Sức khoẻ và An toàn

Dựa trên thông tin sẵn có, sản phẩm này không gây ra những ảnh hưởng có hại cho sức khoẻ khi được dùng tuân theo chỉ định và khuyến nghị ghi trong Bản Kỹ Thuật An Toàn Vật Liệu (MSDS). Liên hệ văn phòng kinh doanh hay thông qua địa chỉ Internet để có các bản MSDS này. Không nên dùng sản phẩm vào những mục đích khác với ứng dụng đã chỉ định. Chú ý bảo vệ môi trường khi vứt bỏ sản phẩm đã sử dụng.

Biểu tượng Mobil, thiết kế Pegasus là các nhãn hiệu đăng ký của tập đoàn ExxonMobil, hay một trong những công ty con.